

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Bình

Ông Nguyễn Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Huy T - Sinh năm 1977 (vắng mặt)

Bị đơn: Chị Chu Thị H - Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Đều trú tại: Khu phố H, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2023 và trình bày của nguyên đơn anh Lê Huy T:

- Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện ĐS ngày 18/6/1999. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T làm lỡ chơi cờ bạc mất một khoản tiền nên vợ chồng xảy ra to tiếng rồi dẫn đến va chạm. Cuối năm 2009 cô H mang con thứ 2 về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm đến ai. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị H.

- Về con: Anh Lê Huy T và chị Chu Thị H có 02 con chung là cháu Lê Huy T1, sinh năm 2000 và cháu Lê Trường A, sinh ngày 16/12/2007. Vợ chồng ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và tôn trọng ý kiến của con. Cháu T1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh T và chị H không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh T và chị H không nợ chung ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai ngày 04/7/2023 quan điểm của chị Chu Thị H:

- Về hôn nhân: Chị H cũng thống nhất với phần trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều nên đã bán nhà trả nợ. Đến khoảng giữa năm 2009 anh T đã đưa ba mẹ con tôi về ngoại (ở cùng thôn) để ở, trong thời gian mẹ con tôi ở bên ngoại anh T không quan tâm gì đến vợ con. Bản thân anh T có quan hệ ngoại tình và đã có con với người phụ nữ khác. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị H cũng xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hoàn toàn tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị H vẫn không nhất trí ly hôn. Chị yêu cầu giải quyết xong công nợ thì chị sẽ thuận tình ly hôn.

- Về con: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lê Huy T1, sinh năm 2000 và cháu Lê Trường A, sinh ngày 16/12/2007. Vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu A và yêu cầu anh T đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật. Cháu T1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị H và anh T không có tài sản gì chung nên chị Hạnh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị H và anh T còn nợ chung một khoản tiền là 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) và 01 cây vàng loại 9999. Cụ thể:

- Nợ chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 10.000.000đ.
- Nợ chị Chu Thị H2 số tiền là 14.000.000đ.
- Nợ chị Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng 9999.
- Nợ chị Nguyễn Thị H3 số tiền là 15.000.000đ.
- Nợ chị Chu Thị N1 số tiền là 20.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 9999.
- Nợ chị Nguyễn Thị T2, số tiền là 20.000.000 đồng.
- Nợ chị Nguyễn Thị S, số tiền là 24.000.000 đồng.

Chị H đề nghị anh T phải trả hết số công nợ trên.

3. Đối với con chung:

Theo bản tự khai quan điểm của cháu Lê Trường A: Cháu là con thứ hai của bố T và mẹ H. Hiện nay cháu ở cùng với mẹ và đang học lớp 11 tại trường bổ túc huyện Đông Sơn. Bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Ngày 10/7/2023 chị Chu Thị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về phần giải quyết công nợ. Tất cả những người liên quan đến công nợ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị

đơn, xử cho bị đơn được nuôi con chung chưa thành niên của vợ chồng, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và công nợ anh Trường không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Không đồng ý ly hôn, đồng ý nuôi cháu Lê Trường A, về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Các Điều 271; 273; 278 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Lê Huy T được ly hôn chị Chu Thị H.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Trường A, sinh ngày 16/12/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Về án phí*: Buộc anh Lê Huy T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê Huy T và bị đơn chị Chu Thị H là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh T và chị H đến làm việc. Anh T và chị H đã làm bản tự khai, có tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, nhưng vì lý do công việc nên cả anh T và chị H đều có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử. Yêu cầu xét xử vắng mặt của anh T và chị H là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vào ngày 10/7/2023 chị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về phần giải quyết công nợ. Xét việc rút yêu cầu của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết phần công nợ của chị Chu Thị H.

[2]. Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Huy T và chị Chu Thị H kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã ĐT, huyện ĐS, Thanh Hóa vào ngày 19/12/2019. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ cả kinh tế lẫn tình cảm. Do anh T ham mê cờ bạc nên phải bán nhà trả nợ, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, chị H và các con phải về bên ngoại nương nhờ, anh T không có trách nhiệm gì với vợ con. Bản thân anh T có quan hệ ngoại tình và đã có con với người phụ nữ khác. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị H cũng xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr đã hoàn toàn tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị H vẫn không nhất trí ly hôn. Chị yêu cầu giải quyết xong công nợ thì chị sẽ thuận tình ly hôn. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Huy T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

* Về con: Anh Lê Huy T và chị Chu Thị H đều trình bày thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Huy T1, sinh năm 2000 và cháu cháu Lê Trường A, sinh ngày 16/12/2007. Trong quá trình hòa giải vợ chồng đã thống nhất thỏa thuận: Giao Lê Trường A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T tự nguyện đóng góp nuôi con chung là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian đóng góp tính từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi). Cháu Lê Huy T1 đã trưởng thành nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản và công nợ: Anh Lê Huy T và chị Chu Thị H đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, tài sản và công nợ giữa anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí: Anh Lê Huy T là nguyên đơn nên phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Huy T đối với bị đơn chị Chu Thị H.

Xử: Vắng mặt chị Chu Thị H và anh Lê Huy T.

Đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu của chị Chu Thị H đối với yêu cầu giải quyết phần công nợ.

- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Lê Huy T được ly hôn chị Chu Thị H.

- *Về con*: Giao Lê Trường A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

- *Về án phí*: Buộc anh Lê Huy T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0006202 ngày 28/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT, huyện Đông Sơn,
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tố Như